TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY AN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **36**/2024/DSST
Ngày: 19/11/2024
V/v:"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Sáu và ông Nguyễn Mạnh Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngân-Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh– Kiểm sát viên**.**

Ngày 19 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2024/TLST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/QĐXXST- DS ngày 18/10/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 26/2024/QĐST-DS ngày 04/11/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim C, sinh năm 1979. Trú tại: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị R, sinh năm 1977; Trú tại: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Kim C trình bày:

Do có quan hệ sui gia với nhau nên vào tháng 02/2023, bà C có cho bà Phạm Thị R mượn số tiền 70.000.000đ *(Bảy mươi triệu đồng)* theo lời bà R thì mượn tiền để trả tiền mua cây cảnh, thời hạn trả nợ là 3 tháng, lúc đó vì hai bên là sui gia với nhau nên không có viết giấy tờ gì, việc mượn tiền không có thỏa thuận gì về lãi. Khi mượn tiền chỉ có một mình bà R đứng ra mượn. Tuy nhiên, hết thời hạn 03 tháng thì bà R không chịu trả nợ theo thỏa thuận mà bỏ đi khỏi địa phương, đến ngày 16/8/2023 (âm lịch), tức vào ngày 30/9/2023 bà C được biết bà R về lại địa phương thì bà C đến nhà gặp bà R yêu cầu bà R trả nợ và bà R hứa mỗi tháng sẽ trả cho bà C 10.000.000đ, bà R có viết giấy nhận nợ và ký tên vào giấy nhận nợ. Từ khi viết giấy nhận nợ đến nay thì bà R đã trả cho bà C được

18.000.000đ *(Mười tám triệu đồng)*. Sau đó bà C gọi điện nhiều lần nhưng bà R cứ hẹn từ từ trả nợ mà vẫn không chịu trả số tiền nợ còn lại cho bà C. Nên nay bà C khởi kiện yêu cầu bà R phải trả cho bà C số tiền gốc còn nợ là 52.000.000đ *(Năm mươi hai triệu đồng)*; bà C không yêu cầu bà R phải trả lãi suất.

- Tòa án nhân dân huyện Tuy An đã tiến hành triệu tập, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Phạm Thị R nhưng bà R không đến Tòa, không thực hiện nghĩa vụ của đương sự nên không có lời trình bày và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: nguyên đơn bà Lê Thị Kim C giữ nguyên lời trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tham gia phiên tòa phát biểu: Quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do là vi phạm Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự (BLDS), chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Phạm Thị R phải trả cho nguyên đơn bà Lê Thị Kim C số tiền gốc còn nợ là 52.000.000đ *(Năm mươi hai triệu đồng)*; Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền đã mượn theo giấy nhận nợ. Đây là tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS. Bị đơn thường trú tại thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên theo quy định tại Điều 35 BLTTDS. Bị đơn bà Phạm Thị R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 của BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Đối với yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn, HĐXX thấy rằng:

Căn cứ vào giấy nhận nợ (Bút lục số 37) do bà Phạm Thị R viết và ký tên cùng với lời trình bày của nguyên đơn được xem là chứng cứ của vụ án theo quy định tại Điều 93 BLTTDS, đủ cơ sở xác định: tháng 02/2023, bà Phạm Thị R có mượn của bà Lê Thị Kim C số tiền 70.000.000đ *(Bảy mươi triệu đồng)*, thời hạn trả nợ là 3 tháng, tuy nhiên, quá thời hạn 03 tháng thì bà R không chịu trả nợ theo thỏa thuận mà bỏ đi khỏi địa phương, đến ngày 16/8/2023 (âm lịch), tức vào ngày 30/9/2023 bà Phạm Thị R về lại địa phương và viết giấy nhận nợ với nội dung có mượn của bà Lê Thị Kim C số tiền là 70.000.000đ *(Bảy mươi triệu đồng)*, hẹn

mỗi tháng trả 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)*. Từ khi viết giấy nhận nợ đến nay bà R đã trả cho bà C 18.000.000đ *(Mười tám triệu đồng)*. Số tiền còn nợ 52.000.000đ *(Năm mươi hai triệu đồng)*, bà C đã nhiều lần yêu cầu bà R trả nợ nhưng bà R không trả nợ đúng cam kết mà trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà C, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà C là có căn cứ nên cần chấp nhận, buộc bị đơn bà R phải trả cho nguyên đơn bà C số tiền gốc còn nợ là 52.000.000đ *(Năm mươi hai triệu đồng).*

[2.2] Về yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 52.000.000đ x 5% = 2.600.000đ; Hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim C.

1. Buộc bị đơn bà Phạm Thị R phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Lê Thị Kim C số tiền 52.000.000đ *(Năm mươi hai triệu đồng).*

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Bà Phạm Thị R phải chịu 2.600.000đ *(Hai triệu sáu trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Lê Thị Kim C số tiền 1.300.000đ *(Một triệu ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000114 ngày 20/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tuy An (2);
- Chi cục THADS huyện Tuy An;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Diễm Huyền